

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 120/2024/HSST

Ngày: 29-01-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận

Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 128/2023/HSST, ngày 27 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Trịnh Trọng N, sinh năm 1991; Giới tính: Nam

HKTT và Nơi ở hiện nay: Số 14/30 N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn Ng và bà Đào Thị X; Có vợ là Trịnh Thị Tr, có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 16/11/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 18/12/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Năm 2017 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1999. (Vắng mặt)
2. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1984. (Vắng mặt)
3. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1968. (Vắng mặt)
4. Chị Trần Thị Ngân H, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974. (Vắng mặt)
Cùng cư trú: Thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích vụ lợi, Trịnh Trọng N đã sử dụng tiền cá nhân cho một số người dân trên địa bàn thành phố Thanh Hóa vay dưới hình thức vay tín chấp, lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Bộ luật dân sự. N và những người vay thống nhất, khi vay tiền người vay viết giấy mượn tiền chuyển lại N giữ, thời gian vay tính theo tháng, thỏa thuận 01 tháng là 30 ngày. Từ tháng 02 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023, Nam đã cho 05 người vay tiền, cụ thể:

1. Ngày 10/02/2023, Nam cho chị Phạm Thị Ng, vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay là 10 tháng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm). Số tiền lãi 01 tháng là 1.800.000đ. Hàng tháng chị Ng trực tiếp gặp N để trả tiền lãi. Chị Ng đã trả lãi được 8 tháng với số tiền 14.400.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 2.630.137 đồng. Do đó số tiền N thu lợi bất chính là 11.769.863 đồng. Số tiền lãi 02 tháng chưa thu là 3.600.000đ.

2. Ngày 04/3/2023, Nam cho chị Trần Thị Th, vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm). Số tiền lãi 01 tháng là 1.800.000đ. Hàng tháng chị Th trực tiếp gặp N để trả tiền lãi. Chị Th đã trả tiền lãi 06 tháng với số tiền 10.800.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.972.603 đồng. Do đó số tiền N thu lợi bất chính là 8.827.393 đồng. Chị Th đã trả hết tiền gốc cho N.

3. Ngày 10/3/2023, Nam cho chị Ngô Thị N, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 07 tháng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm). Số tiền lãi 01 tháng là 900.000đ. Hàng tháng chị N trực tiếp gặp N để trả tiền lãi. Chị Ng đã trả tiền lãi 07 tháng với số tiền 6.300.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 1.150.685 đồng. Do đó số tiền N thu lợi bất chính là 5.149.315 đồng. Chị N đã trả hết tiền gốc cho N.

4. Ngày 27/3/2023, N cho chị Trần Thị Ngân H, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 09 tháng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm). Số tiền lãi 01 tháng là 900.000đ. Hàng tháng chị H trực tiếp gặp N để trả tiền lãi. Chị H đã trả tiền lãi 07 tháng với số tiền 6.300.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của

khoản vay là 1.150.685 đồng. Do đó số tiền N thu lợi bất chính là 5.159.315 đồng. Số tiền lãi 02 tháng chưa thu là 1.800.000đ.

5. Ngày 15/4/2023, Nam cho chị Nguyễn Thị Th, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm). Số tiền lãi 01 tháng là 900.000đ. Hàng tháng chị Th trực tiếp gặp Nam để trả tiền lãi. Chị Th đã trả tiền lãi 06 tháng với số tiền 5.400.000đ. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì số tiền lãi tối đa của khoản vay là 986.301 đồng. Do đó số tiền N thu lợi bất chính là 4.413.699 đồng. Chị Th đã trả hết tiền gốc cho N.

Quá trình điều tra vụ án có đủ tài liệu, chứng cứ xác định Trịnh Trọng N đã sử dụng số tiền 70.000.000đ để cho 05 người vay. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm. Lãi suất được thu tối đa được xác định như sau: Tiền lãi tối đa = Số tiền vay x 20%/năm/365 ngày x Số ngày vay. Do đó số tiền lãi N nhằm thu là 48.600.000đ, số tiền nhằm thu lợi bất chính là 39.723.288 đồng; Tính đến thời điểm ngăn chặn, số tiền lãi N đã thu là 43.200.000 đồng; số tiền tính lãi theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự đã thu là 7.890.411 đồng; số tiền thu lợi bất chính đã thu là 35.309.589đ.

Trịnh Trọng N đã đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hoá đầu thú, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 69/CT-VKSTPTH, ngày 26/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố Trịnh Trọng N về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Trịnh Trọng N phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” đề nghị xử phạt tù 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Đề nghị phạt tiền bị cáo từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

Đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu số tiền gốc 70.000.000đ từ bị cáo và những người vay tiền chưa trả, cụ thể: Truy thu của bị cáo 40.000.000đ; truy thu của chị Trần Thị Ngân H 10.000.000đ; truy thu của chị Phạm Thị Ng 20.000.000đ; Truy thu của bị cáo khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 7.890.411 đồng;

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Trọng N khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023 Trịnh Trọng N đã sử dụng số tiền 70.000.000đ để cho 05 người vay với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần mức lãi suất tối đa quy định tại Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 48.600.000đ, số tiền nhằm thu lợi bất chính là 39.723.288 đồng; Tính đến thời điểm ngăn chặn số tiền lãi N đã thu là 43.200.000 đồng; số tiền tính lãi theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự đã thu là 7.890.411 đồng; số tiền thu lợi bất chính đã thu là 35.309.589đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Trịnh Trọng N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì háms lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay tiền để hưởng số tiền lãi vượt quá lãi suất mà pháp luật quy định. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định :

“Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Đối với bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ phải bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú khai báo hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo một khoản tiền để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 70.000.000đ là khoản tiền bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước. Do chị Phạm Thị Ng chưa trả lại số tiền gốc 20.000.000đ cho N. Chị Trần Thị Ngân H chưa trả lại số tiền gốc 10.000.000đ cho N nên N được trừ đi số tiền này (30.000.000đ). Do đó số tiền gốc phải truy thu từ bị cáo là 40.000.000đ.

Truy thu số tiền gốc mà những người vay trên chưa trả cho N để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi suất mà bị cáo thu lợi bất chính phát sinh từ tội phạm (khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) là 7.890.411 đồng cần truy thu tại bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 35.309.589đ lãi suất trên mức lãi 20%/năm mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên buộc bị cáo trả lại cho những người vay.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Trọng N phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt: Trịnh Trọng N 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Phạt tiền bị cáo Trịnh Trọng N 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Truy thu của Trịnh Trọng N số tiền gốc 40.000.000đ và số tiền thu lợi bất chính là 7.890.411 đồng. Tổng cộng 47.890.411 đồng.

- Truy thu số tiền gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để nộp ngân sách Nhà nước là: Thu của chị Phạm Thị Ng số tiền gốc 20.000.000đ ; Thu của chị Trần Thị Ngân H số tiền gốc 10.000.000đ.

- Buộc bị cáo trả lại tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên, cụ thể:

Trả lại cho chị Phạm Thị Ng 11.769.000đ; Trả lại cho chị Th 8.827.000đ; Trả lại cho chị Ngô Thị N 5.149.000đ; Trả lại cho chị Trần Thị Ngân H 5.149.000đ; Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 4.413.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo Trịnh Trọng N phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh